

QUAN ĐIỂM CỦA CÁC NHÀ THỰC HỌC TRIỀU TIÊN TRƯỚC NHỮNG CHUYỂN BIẾN CỦA KHU VỰC ĐÔNG BẮC Á GIỮA THẾ KỶ XVII - ĐẦU THẾ KỶ XIX (TRƯỜNG HỢP NHẬT BẢN)

NGUYỄN MẠNH DŨNG
Viện Sử học

Khu vực Đông Bắc Á, từ cuối thế kỷ XVI, đã rung chuyển bởi cuộc xâm lược Triều Tiên của Toyotomi Hideyoshi (1536-1598). Và giữa thế kỷ XVII, một lần nữa khu vực này lại có những đổi thay đáng kể với các cuộc xâm lược Triều Tiên của Mãn Châu (năm 1627 và 1636) và sự sụp đổ của nhà Minh (1644). Các cuộc chiến tranh và những biến đổi chính trị đó đã không chỉ tạo ra bước ngoặt đối với tiến trình phát triển lịch sử của Triều Tiên mà còn với các quốc gia trong khu vực¹. Việc Triều Tiên buộc phải thần phục nhà Thanh như một cường quốc bá chủ đã tác động đến quan điểm đối ngoại và phần nào đến nhận thức về khu vực của cả hai nước Triều Tiên và Nhật Bản.

*

* *

Như chúng ta đã biết, tư tưởng Tống Nho (Tân Khổng giáo) được nhà Khổng học An Hyong (bút danh là An Yu, 1243-1306) tiếp thu trực tiếp từ Trung Quốc và truyền về Triều Tiên đầu thế kỷ XIV, đã từng bước trở thành hệ tư tưởng chính thống trong xã hội Triều Tiên. Tuy nhiên, sự chấp nhận Tân Khổng giáo như những chuẩn mực trong việc xây dựng các nguyên tắc đạo đức và chính trị cùng với

việc thực hiện một cách quá cứng nhắc vào xã hội Triều Tiên là một trong những nguyên nhân gây ra các cuộc phản kháng ngay trong nội bộ vương triều Choson (1392-1910) thậm chí ngay trong bản thân những người chủ trương ủng hộ khuynh hướng tư tưởng này. Trong khi đó, thế lực của nhà vua là tương đối yếu nên không thể đứng ra đóng vai trò trung gian trong việc ngăn chặn hay điều hoà các mâu thuẫn giữa các phái chính trị. Sự thiếu thống nhất, trùng lặp về chức năng giữa các cơ quan Nhà nước cũng là một nguyên nhân dẫn đến những xung đột phe phái. Việc tăng nhanh số lượng các *yangban* đỗ đạt thông qua những kỳ thi tuyển vô hình chung cũng đã làm cho những cuộc đấu tranh giành ngôi thứ, chức vị trong chính quyền kéo dài và gay gắt.

Trong bối cảnh đó, từ đầu thế kỷ XVII, người Triều Tiên bắt đầu quan tâm nhiều hơn tới những tư tưởng và khoa học kỹ thuật tiến bộ. Đến nửa sau thế kỷ XVII, một trường phái tư tưởng hay theo cách gọi khác là phong trào *sirhak* (thực học) đã xuất hiện ở Triều Tiên². Trường phái

² Có thể phân chia giai đoạn phát triển của trường phái *sirhak* làm 3 thời kỳ:

Thời kỳ đầu là thời kỳ xác lập từ cuối thế kỷ XVI đến giữa thế kỷ XVII.

Thời kỳ thứ 2 là thời kỳ thiết lập vào cuối thế kỷ XVII. Triều Tiên xuất hiện 2 học giả *Sirhak* hàng đầu: Hyu Hyong-won (1622-1673), người

¹ John K. Fairbank, Edwin O. Reischauer, Albert M. Craig: *East Asia, Tradition and Transformation*, Harvard University, Boston, 1973, p. 317.

sirhak ra đời trước hết là sự phản ứng của tầng lớp trí thức tiến bộ đối với chế độ khoa cử và tuyển dụng quan lại của vương triều Choson. Họ lên tiếng chỉ trích những người đang nắm quyền lực chính trị và yêu cầu cần phải thay đổi lại trật tự xã hội, chế độ chính trị hiện thời ở Triều Tiên. Về thành phần xuất thân, đa số họ là những người không nắm giữ quyền lực và chỉ có vài thành viên là quan lại trong triều.

Mục đích cải cách kinh tế mà các học giả *sirhak* đặt ra là cải cách về nông nghiệp áp dụng trên các lĩnh vực quan trọng như đất đai, cơ cấu hành chính và tổ chức quân sự nhằm mục đích đẩy mạnh nông nghiệp dựa trên giai cấp nông dân³. Đồng thời, trên những quan điểm truyền thống họ cũng đòi hỏi phải thay đổi cách tư duy trong mối quan hệ quân thần. Họ chủ trương nhà vua không thể trị vì được đất nước nếu không có nhân dân, nhưng ngược lại nhân dân có thể sống mà không có vua.

thành lập trường phái *Sirhak*; và Yi Ik (1681-1763), nhân vật nổi bật nhất thời kỳ này.

Thời kỳ thứ 3 là thời kỳ phát triển mạnh mẽ dưới thời trị vì của vua Yongjo và Chongjo. Thời kỳ này ghi nhận phương pháp luận mới "thực chứng" và "*Pukhak*" với các đại diện tiêu biểu nhất là Pak Chi-won, Pak Che-ga, Hong Tae-yong, Kim Chong hui và Chong Yag-yong.

Cụ thể hơn, Chon Kwan-u đã chia *sirhak* thành 3 thời kỳ phát triển: Thời kỳ chuẩn bị, 1550-1650; Thời kỳ phát triển, 1650-1750; và thời kỳ phát triển rực rỡ, 1750-1850.

Đi xa hơn nữa, học giả Kang giả định rằng nếu "thực học" tiếp tục giữ được sự hưng thịnh cho đến giữa thế kỷ XIX thì phản ứng của Triều Tiên với những ảnh hưởng của phương Tây có lẽ cũng sẽ đổi thay rất lớn.

Tham khảo cuốn: Hae-Jin Kang: *Diplomacy and Ideology in Japanese-Korean Relations, from the Fifteenth to the Eighteenth Century*, Ipswich Book Company, 1997, p. 212-213 và p. 272.

³ Khoa Ngữ văn, khoa Lịch sử, *Hàn Quốc: Lịch sử và văn hoá*, Nxb. Văn Hoá, Hà Nội, 1996, tr. 262.

Nếu nhìn nhận vấn đề theo góc độ văn hoá thì mục tiêu cụ thể lúc đó của trường phái này là nhằm biến đổi tư tưởng *hoa di* xuất hiện từ khi lập triều (1392) đặc biệt phát triển mạnh từ sau các cuộc xâm lược của Mãn Châu và người Mãn lên cầm quyền ở Trung Hoa đại lục⁴. Từ đó, các

⁴ Trong khu vực Đông Bắc Á, văn minh Trung Hoa trải qua các triều đại có sức lan toả mạnh mẽ. Và trong suốt tiến trình lịch sử, Triều Tiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của nền văn minh đó. Như chúng ta đã biết, Nhật Bản không tiếp thu và tiếp nhận văn minh Trung Hoa một cách trực tiếp mà thông qua Triều Tiên. Từ thời Cổ - Trung đại, văn minh Trung Hoa được truyền tải vào Nhật Bản qua con đường này. Như vào thế kỷ V, nước Paekche (18 TCN-660 SCN) thường cử các học giả và thợ thủ công sang giúp Nhật Bản. Một trong những quà tặng quý giá nhất mà người Triều Tiên thời đó tặng cho vương quốc Yamato là những cuốn kinh điển của Khổng giáo. Đây cũng là sự kiện đánh dấu thời gian Khổng giáo được truyền vào Nhật Bản. Phật giáo du nhập vào Triều Tiên từ thế kỷ IV và qua vương quốc Paekche này Phật giáo cũng được truyền tải vào Nhật Bản vào thế kỷ VI.

Một lẽ đương nhiên khi văn minh Trung Hoa truyền tải vào Nhật Bản đã bị khúc xạ một phần qua lăng kính của người Triều Tiên. Và trong dòng chảy đó, người Triều Tiên cũng có những tiếp biến trong việc tiếp thu văn minh Trung Hoa.

Chịu ảnh hưởng sâu sắc của hệ luận, tư tưởng Trung Hoa khi Trung Quốc cho rằng xung quanh một quốc gia trung tâm (Trung Quốc) có 4 "*man tộc*, barbarians" tương ứng với 4 hướng: Đông, Bắc, Tây, Nam. Đồng thời, tư tưởng Tân Khổng giáo do Chu Hy (1130-1300) sáng lập thế kỷ XIII truyền vào Triều Tiên thì xuất hiện hệ luận mới hình thành trên nền tảng tư tưởng đó là: "tôn sùng văn minh, bài trừ man di" (cũng cần phải nói thêm rằng tư tưởng đó mặc dù được biện hộ bởi tư tưởng Tân Khổng giáo của Chu Hy song bản chất và nội dung của nó lại hoàn toàn không đáp khuôn ở Triều Tiên và Nhật Bản).

Sự sụp đổ của nhà Minh đã tác động sâu sắc tới đời sống chính trị, tư tưởng ở các nước khu vực Đông Bắc Á. Đối với Triều Tiên, tư tưởng *so hwa* (trung tâm văn minh nhỏ bên cạnh trung tâm văn minh lớn là nhà Minh) có điều kiện phát triển mạnh mẽ.

học giả này đòi hỏi Triều Tiên nên có cái nhìn thực tế hơn đối với thế giới nói chung và khu vực Đông Bắc Á nói riêng trong đó có Nhật Bản. Đối với quốc gia láng giềng Nhật Bản, những hoạt động ngoại thương của Nhật Bản ở Nagasaki đã thu hút được sự chú ý của các học giả *sirhak* hàng đầu Triều Tiên như Pak-chi won, Pak che-ga và Chong Tasan. Từ đó họ đã đặt câu hỏi tại sao Triều Tiên không mở cửa với phương Tây như trường hợp Nhật Bản⁵. Một số học giả đã tiến hành xem xét ảnh hưởng của hoạt động hải thương ở Nagasaki đến sự phát triển của Nhật Bản sau khi chính sách *sakoku* (toả quốc-1639) được thực thi.

Cùng thuộc dòng tư tưởng này, *Pukhak* (Bác học, học từ nhà Thanh) cũng là một trong những dòng tư tưởng có nhiều ảnh hưởng trong xã hội Triều Tiên. Một số học giả ủng hộ “Bác học” lên tiếng chỉ trích tình trạng bất cập của tổ chức xã hội và kinh tế hiện tồn. Nhiều người trong số họ đã đến Bắc Kinh, nơi đang diễn ra nhiều thay đổi để rồi khi trở về Triều Tiên, họ đã viết một số tác luận trong đó chỉ ra Triều Tiên cần phải thay đổi, cần phải canh tân đất nước.

Từ khi thiết lập vương triều Choson năm 1392, kế thừa đường lối ngoại giao trước đó, Triều Tiên vẫn duy trì quan hệ thân thiện với nước láng giềng Nhật Bản. Vào các dịp trọng đại ở Nhật Bản, Triều Tiên đều cử các sứ thần sang chúc mừng. Đồng thời, sự giao lưu, hiểu biết qua lại giữa hai nước còn diễn ra ở Bắc Kinh. Từ cuối thế kỷ XVI, quan hệ giữa hai nước tạm thời bị đình chỉ do cuộc xâm lược Triều Tiên (vào các năm 1592 và 1598).

Quan hệ Nhật Bản - Triều Tiên được tái lập vào năm 1609 nhưng trong suốt thời kỳ Edo (1600-1868), việc đón tiếp các sứ đoàn Triều Tiên thường không liên tục cho đến khi hai nước chấm dứt quan hệ ngoại giao vào năm 1811⁶.

Sau các cuộc xâm lược của Mãn Châu, cùng với sự sụp đổ của nhà Minh năm 1644, quan niệm của Triều Tiên về trung tâm văn minh của khu vực Đông Bắc Á đã thay đổi. Cùng với sự sụp đổ của nhà Minh đã kéo theo sự phát triển ngày càng mạnh mẽ tư tưởng *hoa* (văn minh) *di* (man di) trong đời sống chính trị - xã hội Triều Tiên. Các thành viên trong các sứ bộ cũng thể hiện rõ tư tưởng này mỗi khi sang sứ Nhật Bản. Trên thực tế, tính độc tôn của Tân Khổng giáo cùng với thái độ “coi thường” của các thành viên trong các phái bộ sang Nhật Bản vào các năm 1719, 1748 và 1764 không chỉ được thể hiện trong các cuộc tiếp xúc trực tiếp mà những bản báo cáo mà họ trình lên vua Triều Tiên thường thiếu chính xác, sơ sài và phiến diện về hệ thống giá trị và các chuẩn mực của xã hội Nhật Bản⁷.

Văn bản chính thức của Sin Yu-han, thành viên trong phái đoàn sang Nhật Bản năm 1719 có nhan đề: *Ilbon mungyon chamnok* (Ghi chép trực quan về Nhật Bản) trong đó Sin đã quan sát khá tỉ mỉ về văn hoá-xã hội Nhật Bản. Ông phê phán phong tục hôn nhân giữa những người có

⁶ Ronald Toby, *State and Diplomacy in Early Modern Japan: Asia in the Development of the Tokugawa Bakufu*, Stanford University, 1991, p. 36-37.

⁷ Sau khi nhà Minh sụp đổ và nhà Thanh lên cầm quyền ở Trung Quốc, không phải vương triều Choson đã hoàn toàn chịu khuất phục nhà Thanh mà trên thực tế triều đình Choson chỉ duy trì về mặt ngoại giao đến thời hạn cống nạp đều củ phái đoàn sang triều cống, còn về tư tưởng thì hoàn toàn ngược lại trong một thời gian dài Triều Tiên vẫn duy trì tư tưởng chống Thanh.

⁵ Chính sách toả quốc (*sakoku*) của Nhật Bản bắt đầu được thực thi từ năm 1630 và hoàn thành năm 1639. Sau năm 1639, Nhật Bản chỉ còn tập trung quan hệ với 1 nước phương Tây duy nhất là Hà Lan và 3 nước Đông Bắc Á khác là Trung Quốc, Triều Tiên và Ryukyu.

quan hệ cùng huyết thống ở Nhật Bản, điều đó là đi ngược lại chuẩn mực của Nho giáo⁸. Hơn thế nữa, Nhật Bản không tuân thủ nghiêm ngặt hệ thống kiểm tra dân sự và việc tuyển lựa quan lại theo chế độ thế tập do vậy rất nhiều người tài đã không được trọng dụng⁹.

Nửa đầu thế kỷ XVIII, Triều Tiên xuất hiện một học giả *sirhak* xuất sắc là Yi Ik (1681-1763), người đi tiên phong trong phong trào Tây học ở nước này. Khác với Sin Yu-han, Yi Ik đã quan tâm một cách toàn diện về xã hội, thể chế chính trị Nhật Bản trên lập trường khách quan hơn. Ông

⁸ Ở Triều Tiên hôn nhân chỉ được phép thực hiện với người ngoài dòng tộc, ai vi phạm nguyên tắc này sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc kể cả chém đầu hay treo cổ. Phần lớn các cuộc hôn nhân đều được sắp xếp trước và người ta không cưới người thuộc tầng lớp xã hội khác. *Hàn Quốc: Lịch sử và văn hoá*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 135.

⁹ Tuy nhiên nếu so sánh với xã hội Triều Tiên lúc đó thì Sin Yu-han lại không thừa nhận những hạn chế của hệ thống kiểm tra dân sự Triều Tiên khi mà năng lực của mỗi cá nhân hay quan chức được đánh giá dựa hoàn toàn vào tri thức của họ về Nho giáo như thế nào. Trong khi đó việc phân quyền trong hệ thống phong kiến Nhật Bản (cơ chế chính trị *Bakuhian taisei*, Mạc phiến thể chế) đã góp phần vào sự cạnh tranh giữa các *han* (phiên), cùng với những tri thức phong phú và sự tự do tư duy, học hành. Tham khảo thêm Nguyễn Văn Kim, *Chính sách đóng cửa của Nhật Bản thời kỳ Tokugawa: Nguyên nhân và hệ quả*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2000, tr. 223. Đồng thời, Sin Yu-han cho rằng sự phát triển mạnh mẽ của Osaka là dựa trên sự bóc lột dân chúng ở thị thành này. Tuy nhiên, nếu như nghiên cứu Nhật Bản thời kỳ này thì rõ ràng, Sin không nhận thức được rằng sự phát triển thương mại (ở đây nội thương là chủ yếu) cùng với một nền kinh tế tiền tệ là cơ sở cho sự phát triển kinh tế nông nghiệp rõ rệt ở Osaka, một trung tâm kinh tế phồn thịnh của Nhật Bản thời Edo. Đối với xã hội Nhật Bản, chịu ảnh hưởng của tư tưởng *hoa di*, nên dưới con mắt của Sin, Nhật Bản vẫn là một nước hiếu chiến. Từ đó ông phê phán hệ thống giai cấp cận đại Nhật Bản trong đó các Nho gia lại không được coi trọng như *bushi* (võ sĩ).

đã thể hiện các tư tưởng của mình trong các công trình: *Songho-Saesol*, *Kwakkurok* và *Songhomunjip*. Ông đặc biệt lưu ý tới những bản báo cáo về Nhật Bản của các phái đoàn Triều Tiên. Ông đã tổng hợp các thành quả nghiên cứu về địa lý, lịch sử, khoa học kỹ thuật, văn hoá và quan hệ với vương triều Choson của Nhật Bản trong tác phẩm: *Songho-Saesol* (Tập hợp những phân tích của Songho). Trong bài viết: *Ilbon Ch'ungui* (Lòng trung thành của người Nhật), Yi Ik đánh giá cao kỹ thuật in ấn và nền văn hoá Edo. Ông xác định mối quan hệ giữa Edo (Phủ Tướng quân) và Kyoto (Hoàng gia), bản chất của *Sei i tai shogun* (Chinh di đại tướng quân) và *kampaku* (Nhiếp chính), thừa nhận địa vị *tenno* (Thiên hoàng) và công nhận "*sonno ron*" (lòng tôn kính Thiên hoàng). Ông nhận thấy về mặt ngoại giao, vua Triều Tiên đã duy trì vị thế bình đẳng với *Shogun* (Tướng quân), từ đó ông tiên đoán vua Triều Tiên sẽ phải đối mặt với một số vấn đề nếu quyền lực của Thiên hoàng được khôi phục ở Nhật Bản. Yi Ik phê phán tình trạng bè phái dai dẳng đã kéo lùi sự phát triển kinh tế — xã hội của Triều Tiên mà trên chùng mực nào đó, nó là nguyên nhân của hai cuộc xâm lược của Hideyoshi vào cuối thế kỷ XVI cùng với thái độ cực đoan của vương triều Choson khi không cho phép sứ đoàn Nhật Bản tới thủ đô Triều Tiên. Ông ủng hộ quan hệ thân thiện, tiếp xúc thường xuyên với Nhật Bản.

Yi Ik rất quan tâm tăng cường an ninh quốc gia để phòng những tình huống xấu nhất có thể xảy ra khi quân đội của nhà Thanh không đủ sức giúp đỡ Triều Tiên trước những lời đe dọa xâm lược của nước láng giềng Nhật Bản. Nhìn chung, dưới ảnh hưởng mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật phương Tây, cùng với nhận thức sâu sắc về nền văn hoá phương Đông lâu đời, Yi Ik đã thể hiện quan điểm rất độc đáo

đối với Tây học: *Tongo Sogi* (Tinh thần phương Đông, khoa học phương Tây) và bản chất của tư tưởng này đang phần nào hiện diện ở các nước Đông Bắc Á ngày hôm nay¹⁰.

Từ giữa thế kỷ XVIII, cuộc đấu tranh chính trị giữa các phe phái đã tạm thời bị chấm dứt dưới thời trị vì của vua Yongjo (1724-1776) và Chongjo (1776-1800). Hai vị vua này đã tập trung được quyền lực chính trị đồng thời thực hiện một chính sách bổ nhiệm công bằng cho thành viên của tất cả các phe phái. Chính sách *T'angp'yong ch'aek* (Chính sách cân bằng) này đã tạo nên sự ổn định về xã hội và phần nào ngăn chặn được cuộc đấu tranh chính trị đã diễn ra dai dẳng ở Triều Tiên¹¹. Trong điều kiện đó, các học giả *sirhak* chú ý hơn nữa tới việc thu thập thông tin từ các sứ đoàn Triều Tiên sang Nhật Bản và cũng quan tâm nhiều đến nền văn hoá Nhật Bản. Họ nhìn nhận cuộc xâm lược của Hideyoshi khách quan hơn như tính chân thực của lịch sử. Đứng trên quan điểm truyền thống, trong một thời gian dài, người Triều Tiên luôn đánh giá thấp nền văn hoá của Nhật Bản. Nhưng sau chuyến đi sứ năm 1711 thì quan điểm

này về Nhật Bản đã bắt đầu thay đổi. Trong sứ đoàn năm đó, các học giả nổi tiếng Triều Tiên và Nhật Bản đã có cơ hội giao lưu văn hoá và cùng nhau luận đàm các bài thơ cổ Trung Hoa. Các học giả Triều Tiên rất bất ngờ về tầm tri thức của các học giả Nhật Bản trong các sáng tác thơ ca đồng thời họ rất ca ngợi nền văn hoá ưu việt của Nhật Bản. Trong một tài liệu chính thức về sứ đoàn năm 1719, Sin Yu-han đã đánh giá cao trình độ văn chương của Arai Hakuseki (1657-1725) qua tập thơ mang tên: *Thơ Hakuseki* (Hakuseki shu).

Việc đánh giá cao các học giả Nho giáo Nhật Bản đương thời còn được thể hiện qua các tác phẩm nghiên cứu của Chong Tasan (*Yag-yong*, 1762-1836). Trong thời gian dài đi đày (1801-1818), Tasan đã hoàn thành việc sưu tầm đồ sộ hơn 13.000 trang tài liệu. Trong bức thư gửi cho con trai từ nơi đày ải, ông viết: "Gần đây Nhật Bản xuất hiện nhiều học giả Nho giáo xuất sắc. Ví dụ như Nho gia Ogyu Sorai... Từ xa xưa, các sách được truyền tải tới Nhật Bản từ Paekche. Trong thời kỳ đầu, người Nhật còn chưa phát triển lắm. Dầu vậy, sau khi họ bắt đầu buôn bán trực tiếp với Trung Quốc ở Chiang-su và Che-chiang, qua đó Nhật Bản đã thu được hầu hết các sách quý của Trung Quốc. Hơn nữa, việc họ không có hệ thống kiểm tra dân sự nặng nề nên tri thức của Nhật Bản đã vượt xa đất nước ta rồi"¹².

¹⁰ Cũng tương tự như vậy, nhưng cụ thể hơn, khi đối diện với khoa học, công nghệ và văn hoá phương Tây quan điểm của người Nhật là: *Wakon Yosai* (Tinh thần Nhật Bản, khả năng phương Tây). Xem Michio Morishima, *Tại sao Nhật Bản "thành công"? Công nghệ phương Tây và tính cách Nhật Bản*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991, tr. 76.

¹¹ Tuy nhiên, những chính sách mang tính ôn hoà trên đây đã làm tăng thêm đội ngũ quan lại trong chính quyền và đó là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến những cuộc đấu tranh chính trị mới. Sau khi Chongjo qua đời, quyền lực thực tế của triều đình Choson rơi vào tay họ Kim do Kim Chosun cầm đầu. Mặc dù, luôn luôn phải đấu tranh với dòng họ Cho nhưng cuối cùng họ Kim đã nắm được quyền lực của mình. Từ đó, uy lực của vương triều Choson chỉ còn lại trên danh nghĩa.

¹² Hae-Jin Kang: *Diplomacy and Ideology in Japanese-Korean Relations, from the Fifteenth to the Eighteenth Century*, sdd, p. 215.

Ogyo Sorai (1666-1728) là người lãnh đạo phong trào "cổ học" (*kogakuha*) và là một trong những trí thức có nhiều ảnh hưởng đối với đời sống chính trị Nhật Bản thời Edo. Xem thêm Nguyễn Văn Kim: *Nhật Bản với châu Á - Những mối liên hệ lịch sử và chuyển biến kinh tế xã hội*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2003, tr. 328. Có thể tra

Trong tác phẩm "*Ilbonron I*" (Quan điểm của Nhật Bản), ông viết:

"Bây giờ chúng ta không nên lo lắng về Nhật Bản nữa. Tôi đã đọc các tác phẩm Khổng học của Ito Jinsai, Ogyu Sorai, Dazai Shundai. Tất cả các tác phẩm của họ đều rất hay, dễ thuyết phục và phương cách trình bày của họ có chất lượng cao mặc dù thỉnh thoảng lý luận của họ hơi lạc đề... Nếu họ quan tâm hơn nữa đến việc phát triển tri thức thì nhất định họ sẽ không còn chạy đua quân sự, sẽ không hành động một cách ảo tưởng và họ sẽ kìm nén được tính tham lam. Các học giả như Jinsai, Sorai và Shundai đã thể hiện rõ nét chuẩn mực của chủ nghĩa Khổng giáo và lễ nghi Khổng giáo, còn nhân dân, không nghi ngờ gì, họ tôn trọng sự đúng mực và mong ước cho một nền hoà bình mãi mãi ở đất nước này. Dù vậy, bây giờ chúng ta không nên lo lắng về Nhật Bản nữa"¹³.

Trường phái "Bắc học" được hình thành từ các chuyến đi sứ cống nạp nhà Thanh. Vào một thời hạn nhất định Triều Tiên đều cử đi sứ đoàn cùng với các sứ đoàn đặc biệt khác sang Bắc Kinh cho đến năm 1894. Các sứ đoàn này không chỉ thuần túy thực hiện sứ mệnh cống nạp mà qua các chuyến đi này các sứ giả Triều Tiên đã có cơ hội tiếp thu và trao đổi với các học giả Trung Quốc. Dưới thời kỳ trị vì của Khang Hy (cầm quyền: 1661 - 1722) và Càn Long (cầm quyền: 1736 - 1795), Thiên Chúa giáo nói riêng và văn hoá phương Tây nói chung có những ảnh hưởng mạnh mẽ trong xã hội Trung Hoa. Các học giả Trung Quốc đã tiếp thu rất nhiều tri thức từ khoa học kỹ thuật phương Tây từ đó nảy sinh trong lòng xã hội phong kiến Trung Quốc những trường phái tư

tưởng mới: Khổng học, khôi phục Hán học, Thực chứng học, Thiên văn học và một số ngành khoa học khác... Tuy nhiên, những tri thức mà các học giả *sirhak* Triều Tiên quan tâm tập trung vào thực học, thực nghiệm và nghiên cứu khoa học.

Các học giả "Bắc học" đã có cơ hội đi cùng sứ đoàn và hội kiến với sứ giả Âu châu. Từ đó, Hong Tae-yong, Pak Chi-won và Pak Che-ga đặt ra vấn đề rất quan trọng liên quan tới ý thức hệ *hoa di*. Pak lên án sự phò trương và thói đạo đức giả của đảng cấp cầm quyền *Yangban*. Ông chia giới trí thức Triều Tiên làm 3 loại tương ứng với quan điểm của họ về nhà Thanh¹⁴.

Ý tưởng "Bắc học" còn được phản ánh trong lĩnh vực khoa học thiên văn và việc thừa nhận thế giới mới. Với việc ra đời tấm bản đồ thế giới mới do Mateo Ricci (1552-1610) sửa chữa năm 1602 thì quan điểm sai lầm trước đây vẫn coi Trung Quốc là trung tâm của thế giới đã thay đổi. Vì vậy, việc du nhập, giới thiệu thiên văn học Âu châu và bản đồ thế giới mới vào Trung Quốc đã kích thích mạnh mẽ trí tò mò và tính hiếu kỳ của các học giả *sirhak*. Đồng thời, khi hiểu rõ được địa dư và phong thổ của các quốc gia hải ngoại thì thúc đẩy sự phát triển của ngoại thương¹⁵.

¹⁴ Ba loại đó là:

Loại thứ nhất là những người được coi là "thần dân" của nhà Thanh.

Loại thứ hai là người vẫn giữ quan điểm "phò Minh, đánh đuổi bọn man di" và chủ trương "bác bỏ lý lẽ của nhà Thanh".

Loại cuối cùng là như Pak khi nhấn mạnh "Bắc học" là khoa học chính đáng. Pak Chi-won đã viết trong Lời mở đầu của tác phẩm "*Pukakui*": "Đó là sự học chính đáng mà chúng ta nên học từ người khác dầu họ là man di hay ngoại bang". Hae-Jin Kang: *Diplomacy and Ideology in Japanese-Korean Relations, from the Fifteenth to the Eighteenth Century*, sđd, p. 218

¹⁵ Ishada Kazuyoshi, *Nhật Bản tư tưởng sử*, Tập 2, Tủ sách kim văn-Uỷ ban dịch thuật, 1973, tr. 115.

E. Papinot: *Historical and Geographical Dictionary of Japan*, Charles E. Tuttle Company, Tokyo, 1992.

¹³ Hae-Jin Kang: *Diplomacy and Ideology in Japanese-Korean Relations, from the Fifteenth to the Eighteenth Century*, sđd, p. 215

Các học giả *sirhak* đã quan tâm nhiều hơn đến Nhật Bản nhất là cảng thương mại Nagasaki. Mặc dù đang thi hành chính sách đóng cửa nhưng Nhật Bản vẫn tiếp xúc và quan hệ buôn bán với Trung Quốc và Hà Lan. Vương triều Choson có quan hệ ngoại giao chính thức với nhà Thanh và Mạc phủ Tokugawa. Về thương mại, Triều Tiên quan hệ buôn bán với nhà Thanh ở các vùng biên giới Chamen và Nhật Bản qua Waegwan-một cơ sở của Nhật Bản tại Pusan. Tuy nhiên, Triều Tiên lại cô lập quan hệ với phương Tây. Trước sự vươn lên của các nước Âu-Mỹ và thương cảng Nagasaki, các học giả "Bắc học" nhấn mạnh đến tầm quan trọng của ngoại thương, khi chính sách hạn chế thương mại của Triều Tiên đồng nghĩa với việc cấm các tàu thuyền hải thương. Pak Che-ga chủ trương: "Đất đai ở nước ta [Triều Tiên] nhỏ hẹp và nghèo nàn... do vậy với [việc phát triển] nên ngoại thương, nước ta sẽ trở nên giàu có và có thể thu được lợi nhuận rất lớn. Hải thương xa bờ quan trọng hơn thương mại trên đất liền". Ông nhấn mạnh Triều Tiên nên quan hệ với nhà Thanh và mở rộng quan hệ thương mại với Nhật Bản, Ryukyu, Annam và phương Tây. Triều Tiên sẽ thu được lợi nhuận rất lớn thông qua các mối quan hệ đó. Ông đã miêu tả cảng Nagasaki của Nhật Bản thời kỳ này như sau: "Khi Nhật Bản và Trung Quốc đóng cửa buôn bán, đất nước chúng ta đã nhập khẩu tư sống từ Trung Quốc và qua đó xuất khẩu sang Nhật Bản. Chúng ta đã thu được rất nhiều lợi nhuận. Nhưng từ khi Nhật Bản hiểu ra được điều đó, Nhật Bản đã bắt đầu quan hệ thương mại trực tiếp với Trung Quốc¹⁶ ... Nhiều đồ cổ, sách vở và nhiều bức họa của Trung Quốc đã được nhập ô ạt vào

¹⁶ Từ năm 1609 đến năm 1684 Triều Tiên là trung gian thương mại giữa Trung Quốc và Nhật Bản. *Hàn Quốc: Lịch sử và văn hoá*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 155-156.

cảng Nagasaki. Nhật Bản không còn học hỏi chúng ta nữa"¹⁷.

Pak che-ga cũng đề nghị tăng cường nghề đóng tàu thuyền phục vụ cho ngoại thương và bất cứ tàu thuyền nào nhất là thuyền của các nước phương Tây gặp nạn ở hải phận Triều Tiên thì nên tận dụng cơ hội đó để học hỏi công nghệ đóng tàu, buôn bán và nghề đi biển của họ¹⁸. Ông chủ trương:

"Trong việc tăng thêm nhiều lợi nhuận, chúng ta có thể đọc nhiều sách trên thế giới và tư tưởng cứng nhắc cùng niềm tin mù quáng của giới trí thức cần phải thay đổi". Trước đó, Chong Tasan đã lưu ý vương triều Choson nên tăng cường quan hệ thương mại với nhà Thanh:

"Ryukyu và Nhật Bản đã cố gắng hết sức để tiếp thu văn hoá và du nhập khoa học kỹ thuật của Trung Quốc. Ryukyu và Nhật Bản là những quốc đảo cô lập, khoa học kỹ thuật của họ có thể so sánh được với Trung Quốc, tầm nhìn của họ khoáng đạt và họ có sức mạnh quân sự, vì vậy không một quốc gia láng giềng nào khác có thể xâm lược họ. Do đó, chúng ta có thể hiểu lợi nhuận thu được từ thương mại lớn chừng nào?"¹⁹.

Sau này, Kim Chong hui, phái viên Triều Tiên tới Bắc Kinh năm 1810, ông

¹⁷ Hae-Jin Kang: *Diplomacy and Ideology in Japanese-Korean Relations, from the Fifteenth to the Eighteenth Century*, sdd, p. 219

¹⁸ Năm 1628, một chiếc tàu Hà Lan bị nạn trôi dạt vào gần đảo Cheju (Triều Tiên) và năm 1653, một chiếc tàu Hà Lan khác cũng gặp nạn ở gần đảo này. Vương triều Choson có thể thông qua những người này cập nhật tình hình đang diễn ra ở phương Tây và tiếp thu công nghệ đóng tàu, nghề đi biển... của họ nhưng, triều đình Choson lại tống giam những người này, dùng vũ lực bắt họ làm việc như nô lệ. Xem Andrew C. Nahm, *Introduction to Korean history and culture*, Hollym, Seoul, 1994, p. 126-127.

¹⁹ Hae-Jin Kang: *Diplomacy and Ideology in Japanese-Korean Relations, from the Fifteenth to the Eighteenth Century*, sdd, p. 219.

cũng rất ấn tượng về nền văn hoá Edo, đồng thời đánh giá cao tinh thần ham học hỏi của người Nhật khi sách Trung Quốc không ngừng được truyền tải qua cảng Nagasaki. Từ đó ông lo lắng về quan điểm bảo thủ của giới trí thức cầm quyền ở Triều Tiên khi mà ý đồ xâm lược, mở rộng ảnh hưởng sang các quốc gia châu Á của các nước phương Tây đang ngày một rõ ràng.

*
* *

Cùng với những đổi thay sau này, Triều Tiên vào thời Trung Cận đại đã có một cái nhìn thực tế hơn về khu vực cũng như trên bình diện thế giới ở một mức độ nhất định. Sự đổi thay này bắt nguồn từ khuynh hướng tư tưởng tiến bộ tạo ra dòng tư tưởng đối lập với tư tưởng lạc hậu, cản trở xu thế phát triển và hội nhập, đó chính là phong trào tư tưởng *sinhak*. Những đóng góp của các nhà *sinhak* trên bình diện tổng quan là rất đáng kể. Nhưng vì họ được hợp thành từ những trí thức bị thất sủng hoặc một số quan lại nhưng không có tiếng nói nhất định trong triều đình nên họ sẽ không thể có được sự ủng hộ của nhà vua và quan lại cao cấp trong vương triều Choson²⁰.

Trong khi đó, nếu có một sự so sánh đồng đại trong phạm vi khu vực Đông Bắc Á từ thế kỷ từ XVII đến đầu thế kỷ XIX, các nước trong khu vực cũng có những nét tương đồng. Sự thâm nhập ngày càng mạnh mẽ của các nước phương Tây đã làm xáo trộn đáng kể đến những chuẩn mực nhất định của từng quốc gia. Đối với Việt Nam, từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII trên danh nghĩa Nho giáo vẫn là hệ

²⁰ Về yếu tố con người trong quá trình cải cách tham khảo thêm Phạm Hồng Tung: *Vài nhận định về cuộc cải cách ở Thái Lan (Siam) dưới các triều vua Mongkut và Chulalongkorn từ cái nhìn so sánh khu vực*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 6 (331)-2003. Tr. 60-62.

tư tưởng độc tôn trong đời sống chính trị xã hội Việt Nam²¹. Với nhiều mục đích kinh tế - chính trị khác nhau nên cả Đảng Trong và Đảng Ngoài đều có xu hướng mở cửa hội nhập vào thời kỳ hưng thịnh nhất của thương mại biển Đông. Cùng với sự phát triển ngoại thương và chính sách đối ngoại khá cởi mở nên những tư tưởng văn hoá phương Tây trong đó có cả Thiên chúa giáo đã khá dễ dàng được du nhập và phát triển ở Việt Nam tại thời điểm đó. Và những dòng tư tưởng tiến bộ cũng đã được du nhập vào Việt Nam qua các chính sách của vua Lê-chúa Trịnh ở Đảng Ngoài và chúa Nguyễn ở Đảng Trong.

Còn đối với Nhật Bản, chính sách đóng cửa thực thi từ năm 1630 nhưng không vì thế Nhật Bản bị cô lập với bên ngoài. Trái lại, Triều Tiên với chính sách cực đoan “bế quan toả cảng” “bài phương Tây” nên họ đã không thể tiếp xúc với những thành tựu khoa học đang phát triển mạnh mẽ ở khu vực và trên thế giới. Lượng thông tin mà các nhà thực học Triều Tiên thu được từ khu vực và phương Tây là qua các chuyến đi sứ Bắc Kinh và các sứ đoàn ngoại giao sang Nhật Bản. Những gì họ mắt thấy tai nghe tại hai nước này là cơ sở hình thành và phát triển của phong trào *sinhak*. Hay nói cách khác, không có sự tiếp xúc này thì không thể xuất hiện phong trào *sinhak* ở Triều Tiên²².

²¹ Nguyễn Quang Ngọc (chủ biên). *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2000, tr. 162-163.

²² Trong cuốn *East Asia, Tradition and Transformation*, Sđd, p. 319-320, các học giả John K. Fairbank, Edwin O. Reischauer, Albert M. Craig cho rằng các: tri thức khoa học phương Tây đã được các học gia Triều Tiên tiếp thu từ các giáo sĩ dòng Tên ở Bắc Kinh; những tư tưởng mới cùng sự ảnh hưởng mạnh mẽ của sách vở và các trường phái ở Trung Quốc lúc đó (nghiên cứu kinh viện) là cơ sở hình thành trường phái *sinhak* ở Triều Tiên. Tham khảo thêm Andrew C. Nahm,

Bị chi phối mạnh mẽ bởi tư tưởng hoa-di nên đối với xã hội và một phần sự phát triển kinh tế, quân sự ở Nhật Bản thì các học giả *sirhak* lại có cái nhìn không mấy thiện cảm dù đã có một bước phát triển từ Sin Yu han đến Yi Ik và Pak Chi-won, thậm chí Hong Tae yong cũng đã bác bỏ quan điểm cho rằng có hai "thế giới": *hoa* (văn minh) và *di* (man di). Hơn nữa, vốn là các Nho gia cho nên cách nhìn và chỗ đứng của các nhà thực học Triều Tiên vẫn không thoát ra khỏi khuôn mẫu Nho giáo mặc dù đã có sự tiếp xúc và giao thoa văn hoá, khoa học phương Tây, đã phê phán những mặt hạn chế của Nho giáo. Các học giả thực học chưa tìm ra được một giải pháp khả dĩ về kinh tế - xã hội và chưa đủ sức thuyết phục đối với các nhà cầm quyền ở Triều Tiên lúc đó. Trong khi so sánh với Nhật Bản, họ lại đề cao vai trò của Tân Khổng giáo trong đời sống chính trị ở Nhật Bản. Khi mà triều đình Choson chưa sẵn sàng chấp nhận khuynh hướng tư duy về nước Nhật như vậy thì những sự so sánh như vậy cũng không mang lại kết quả.

Tuy nhiên, từ những nhận xét, đánh giá của các nhà *sirhak* Triều Tiên về Nhật Bản, người dân Triều Tiên đã nhìn Nhật Bản bằng con mắt thân thiện hơn và những chuẩn mực, thành tựu văn hoá của Nhật Bản thời Edo cũng đã được chấp nhận rộng rãi hơn trong xã hội Triều Tiên. Đối với nhà Thanh, cùng với chính sách thân thiện, hoà giải dân tộc giữa người Mãn và người Hán dưới thời kỳ cực thịnh (golden period) của vương triều Khang Hy thì rõ ràng người Triều Tiên đã thay đổi cách nhìn về triều đình Mãn Thanh (1644-1911). Khoa học kỹ thuật phương Tây phát triển mạnh dưới triều Khang Hy, Ung Chính (cầm quyền: 1723-1736), Càn Long mà qua đó Triều Tiên học tập được

đã phần nào phản ánh cách nhìn chân thực hơn về khu vực cũng như trên thế giới.

Thời kỳ này ghi nhận các cuộc cải cách ở Triều Tiên và Nhật Bản. Nhìn chung, các cuộc cải cách đó có thể bắt nguồn từ việc phê phán chế độ, học thuyết chủ lưu đang hiện tồn và nhằm thay đổi học thuyết, chế độ đó. Thực tế lịch sử cho thấy, những cuộc cải cách như vậy chỉ có thể thành công khi được kiểm chứng qua xu hướng chính trị-xã hội ở Nhật Bản và sự ủng hộ của người có thực quyền nhất lúc đó. Theo đó, những tư tưởng cải cách của Arai Hakuseki chỉ được thực thi vào thời kỳ ông phục vụ dưới thời tướng quân Tokugawa Ienobu (1709-1712) và Tokugawa Ietsugu (1712-1716). Khi hai vị *Shogun* này mất đi Arai cũng bị bãi nhiệm. Vị tướng quân Tokugawa Yoshimune (1716-1745) lên nắm quyền tướng quân năm 1716 đã từ bỏ học thuyết của Arai Hakuseki và khôi phục lại những chính sách và nghi thức ngoại giao trước đó trong quan hệ với Triều Tiên. Còn ở Triều Tiên, sự phát triển khá mạnh mẽ của các học giả *sirhak* trong suốt thế kỷ XVIII cũng không lật đổ được tư tưởng *hoa di* vẫn đang ngự trị trong đời sống chính trị của Triều Tiên. Những tư tưởng như phát triển thương mại, học hỏi các quốc gia láng giềng, thế giới... là những tư tưởng thức thời, tiến bộ và đã đả phá mạnh mẽ hệ tư tưởng *hoa-di*, một cơ sở quan trọng cho việc hoạch định các chính sách đối ngoại của vương triều Choson. Những nhận thức và đề xuất tư tưởng cải cách của các nhà thực học đã trở thành hiện thực ở Triều Tiên vào thế kỷ sau đó.

Introduction to Korean history and culture, Hollym, Seoul, 1994, p. 126-130.